

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/DS-ST

Ngày: 30-3-2023

V/v tranh chấp “Yêu cầu xác
định tài sản riêng của vợ chồng
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà H Thị Tố

+ Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Ông Trịnh
Thanh Dũ – Kiểm sát viên..

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công
Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 09
tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Yêu cầu xác định tài sản riêng của vợ chồng
sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS
ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2023/QĐST-
DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Đỗ Thanh T**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T(có mặt).

* Bị đơn: **Trương Thị Diễm H**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T(vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - **Trần Thị Đ**, sinh năm xxxx;

- **Đinh Thị Kiều D**, sinh năm xxxx;

- **Đỗ Thị N**, sinh năm xxxx;

- **Đỗ Thành N**, sinh năm xxxx;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T(xin vắng mặt).

* Người làm chứng: - **Lê Thị H**, sinh năm xxxx;

- **Trương Văn T**, sinh năm xxxx;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Đỗ Thanh T kết hôn với chị Trương Thị Diễm H vào năm 2013. Năm 2020 chị H và anh T đã ly hôn theo Bản án sơ thẩm số: 251/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Hai bên đã chấm dứt quan hệ hôn nhân, giải quyết vấn đề con chung, về tài sản chung, nợ chung không có.

* Theo Đơn khởi kiện ngày 18/5/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh T trình bày: Nguyên quyền sử dụng đất đối với thửa số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09097 ngày 04/4/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho Đỗ Thanh T là tài sản riêng của anh vì anh được gia đình anh tặng cho riêng anh từ năm 2014. Đến năm 2019 anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên theo hồ sơ chuyển nhượng số 001780.CN.001 tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01780 ngày 20/10/2014 do UBND huyện G cấp cho bà Trần Thị Đ. Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án công nhận tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T là tài sản riêng của anh.

* Bị đơn chị Trương Thị Diễm H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, chị Đinh Thị Kiều D, chị Đỗ Thị N, anh Đỗ Thành N trình bày: Phần đất tranh chấp tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tọa lạc tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T là của bà Đ (bà nội anh T) cho anh T. Tuy nhiên khi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất để hạn chế chi phí sang tên nên bà Đ cùng các thành viên trong hộ gồm chị D, chị N, anh N làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T.

* Người làm chứng ông Trương Văn T, bà Trương Thị H trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của chị H, phần đất thửa số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tọa lạc tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T là của bà nội anh T (bà Trần Thị Đ) cho riêng cá nhân anh T, không phải do anh T và chị H tự mua.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T là tài sản riêng của anh.

Bị đơn chị H vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ, chị D, chị N, anh N xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của anh T yêu cầu xác định tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T là tài sản riêng của anh là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Qua kiểm tra nội dung đơn khởi kiện, các nội dung nguyên đơn trình bày tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, nội dung được ghi nhận tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T khởi kiện về việc yêu cầu xác định tài sản riêng nên quan hệ tranh chấp là yêu cầu xác định tài sản riêng của vợ chồng sau khi ly hôn.

Bị đơn chị H trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Bị đơn chị Trương Thị Diễm H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, chị Đinh Thị Kiều D, chị Đỗ Thị N, anh Đỗ Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, chị D, chị N, anh N theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về nguồn gốc tạo lập và quá trình sử dụng đối với tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² tọa lạc tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T có nguồn gốc của hộ gia đình bà Trần Thị Đ (bà nội của Đỗ Thanh T) cho anh T sử dụng vào năm 2014 nhưng đến năm 2019 thì làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Thanh T đứng tên và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận theo hồ sơ số 001780.CN.001 31/5/2019 tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01780 ngày 20/10/201 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không

có tên chị Trương Thị Diễm H. Anh T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09097 ngày 04/4/2022 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có tên chị Trương Thị Diễm H. Theo lời trình bày của bà Đ, chị D, chị N, anh N thì phần đất tranh chấp nêu trên là bà Đ, chị D, chị N, anh N cho riêng cá nhân anh T. Ngoài ra, người làm chứng ông Trương Văn T và bà Lê Thị H (cha mẹ ruột của chị H) cũng xác nhận phần đất thửa đất số 320, tờ bản đồ số 20, diện tích 3288m² là của bà nội anh T (bà Trần Thị Đ) cho riêng cá nhân anh T, không phải do anh T và chị H tự mua. Mặt khác, kể từ ngày Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ do anh T đưa ra nên anh T không phải chứng minh gì khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 43, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xác định tài sản riêng của nguyên đơn anh Đỗ Thanh T.

Công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 3288m² thửa đất số 320, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09097 ngày 04/4/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho Đỗ Thanh T là tài sản riêng của anh Đỗ Thanh T. Đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp kênh Bảy Đền;
- Tây giáp đất Ủy ban nhân dân xã T;

- Nam giáp đất Nguyễn Thị Ngọc N;
- Bắc giáp đất Đỗ Tấn L.

(Có sơ đồ kèm theo).

[2] Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào **tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007914 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên anh T đã nộp xong án phí.**

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nguyên